

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 244/2017/HS-ST
Ngày 14-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1) Ông Võ Hoàng Vũ.

2) Bà Phạm Thị Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thái Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Ông Bùi Hải Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 91/2017/HS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Phạm Toàn T, sinh ngày 03/11/1989 tại Cần Thơ;

Nơi đăng ký thường trú: 1A5 đường 30T4, phường X, quận N, thành phố C;

Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị Kim D; bản thân chưa có vợ, con; tiền án: chưa, tiền sự: chưa; nhân thân chưa có án tích; bị tạm giam trong vụ án “trộm cắp tài sản” theo Lệnh tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thốt Nốt số 67 ngày 06/8/2017 “có mặt”.

2. Nguyễn Bùi Khánh D, sinh năm 1997 tại Vĩnh Long;

Nơi đăng ký thường trú: Ấp MH1, xã MH, thị xã BM, tỉnh VL;

Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn) 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Bùi Thị Trúc L; bản thân chưa có vợ, con; tiền án: chưa, tiền sự: chưa; nhân thân chưa có

án tích; bị cáo được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ninh Kiều số 19 ngày 14 tháng 12 năm 2016.

3. Lê Văn G, sinh ngày 12/01/1998 tại Hậu Giang;

Nơi đăng ký thường trú: Ấp ĐP, xã ĐP, huyện CT, tỉnh HG;

Nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hóa (học vấn) 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị S; bản thân chưa có vợ, con; tiền án: chưa, tiền sự: chưa; nhân thân chưa có án tích; bị cáo được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ninh Kiều số 18 ngày 14 tháng 12 năm 2016.

Bị hại: Anh Nguyễn Huỳnh N, sinh năm 1981 “Vắng mặt”.

Địa chỉ thường trú: Khu vực TT, phường TL, quận OM, thành phố C.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án: Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ BA.

Địa chỉ thường trú: 25 đường NBK, phường CK, quận N, thành phố C.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Công S, sinh năm 1972.

Chức vụ: Phó trưởng Phòng Kinh doanh Công ty.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2016, có đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 28/9/2016 Phạm Toàn T và Nguyễn Bùi Khánh D đi tuần tra an ninh các tầng lầu của Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ (địa chỉ số 315 đường Nguyễn Văn Linh, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ), đến Khoa Nội tiêu hóa (Tầng 6) T và D nhận thấy Phòng A620 còn mở cửa nên cả hai đi vào để yêu cầu mọi người khóa cửa cẩn thận. Sau khi nhắc nhở xong, D đi ra cửa phòng đứng, còn T vẫn ở trong phòng, lúc này T phát hiện trên giường bệnh của anh Nguyễn Huỳnh N có một điện thoại di động hiệu Oppo F1s nên đi đến lấy trộm điện thoại rồi đi ra khỏi phòng đưa cho D giữ dùm, T kêu D đừng nói cho ai biết và sẽ cho tiền uống cà phê. Nghe vậy, D cầm điện thoại bỏ vào túi quần của mình rồi cả hai cùng đi xuống tầng trệt.

Sau khi tuần tra xong, D đến gặp Lê Văn G, là bảo vệ đang trực tại Cổng C2 của Bệnh viện để nhờ giữ dùm điện thoại cho T thì G đồng ý. Lúc sau, T đến gặp G và nói điện thoại do T lấy của người khác, nhờ G giữ rồi sáng sẽ cho tiền uống cà phê nên G tiếp tục giữ điện thoại cho T. Đến khoảng 04 giờ sáng cùng ngày, anh Nguyễn Huỳnh N thức dậy và phát hiện tài sản bị mất nên nhờ người thân báo sự việc cho Chỉ huy bảo vệ bệnh viện. Sau đó Công an phường An Khánh tiến hành mời T, D, G về

làm việc và thu giữ 01 điện thoại di động của anh N hiệu Oppo F1s màu trắng hồng, số Emei01: 862651035090395, số Emei02: 862651035090387.

Biên bản định giá tài sản số: 290/BB-HĐĐG ngày 05/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều xác định: Điện thoại di động hiệu Oppo F1s trị giá 4.790.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ BA đã thỏa thuận bồi thường cho anh Nguyễn Huỳnh N chiếc điện thoại di động mới hiệu Oppo F1s Plus nên anh N không có yêu cầu gì thêm đồng thời từ chối nhận lại chiếc điện thoại đã bị lấy trộm. Hiện điện thoại di động của anh N đang tạm giữ chờ xử lý.

Cáo trạng số 104/CT-VKS ngày 29/3/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều truy tố bị cáo Phạm Toàn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Bùi Khánh D và Lê Văn G về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại tòa thấy rằng các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã được Công ty trừ vào tiền lương để khắc phục hậu quả cho anh N bằng điện thoại di động mới Oppo F1s Plus, các bị cáo có thái độ hợp tác điều tra, thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về việc làm của mình, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T có cha là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng nhiều huy chương, huân chương và là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 và Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo chấp hành án; Áp dụng điểm b, h, p Khoản 1 Điều 46, Điều 60 và Khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo D, G mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Giao các bị cáo D, G cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, trường hợp các bị cáo D, G thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Xử lý tang vật, vật chứng: Đề nghị tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F1s màu trắng hồng số Emei01: 862651035090395, số Emei02: 862651035090387 theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, công nhận Công ty CP dịch vụ bảo vệ BA đã thay mặt các bị cáo bồi thường cho bị hại và ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu trách nhiệm hoàn trả đối với các bị cáo.

Các bị cáo T, D, G thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát trình bày để ban hành hình phạt nhẹ G các bị cáo có thời gian cải tạo, sớm về hòa nhập với gia đình, cộng đồng để có công việc ổn định không là gánh nặng cho xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, cũng như ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các bị cáo T là bảo vệ bệnh viện, với nhiệm vụ, quyền hạn của mình bị cáo ý thức rõ trách nhiệm gìn giữ an ninh trật tự và bảo quản tài sản của người bệnh, thân nhân người bệnh tại Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ, trong lúc đi tuần tra, lợi dụng sự mệt mỏi, sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh N (bệnh nhân), T trực tiếp lấy trộm điện thoại Oppo F1s giá trị 4.790.000đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo D, G cũng là nhân viên bảo vệ cùng ca trực với bị cáo T mặc dù trong nhận thức biết điện thoại Oppo F1s là tài sản do bị cáo T trộm cắp của bệnh nhân N nhưng vẫn đồng ý chứa chấp, cất giấu dùm với mong muốn nhận được lợi ích vật chất “cho tiền uống cà phê” từ bị cáo T, hành vi này phạm vào tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” được Bộ luật hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 250.

[2] Điều đáng nói là với chức năng, nhiệm vụ của nhân viên bảo vệ, bản thân các bị cáo phải ý thức rõ hơn về việc bảo vệ tài sản của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân nên hành vi phạm tội của các bị cáo là xem thường pháp luật, cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả đã xảy ra, tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến vai trò của từng bị cáo trong vụ án cũng như kết hợp với các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự mà pháp luật hình sự quy định các bị cáo được hưởng để phân hóa tội phạm, ban hành bản án mang tính răn đe, đồng thời cũng thể hiện được tính khoan hồng, giáo dục chung cho các bị cáo. Qua chuỗi diễn biến hành vi thấy được hình phạt dành cho bị cáo T sẽ cao hơn bị cáo D và G bởi lẽ bị cáo T, D tuy cùng ca trực, cùng đi tuần tra nhưng không bàn bạc hoặc có ý định từ trước việc trộm cắp, hành vi trộm điện thoại của anh N diễn ra không được bị cáo D trực tiếp chứng kiến nhưng khi được bị cáo T kể lại thì đồng ý chứa chấp, cất giấu dùm, sau đó bị cáo D tiếp tục nhờ bị cáo G chứa chấp, cất giấu dùm nhằm che giấu hành vi trên của bị cáo T, D mặc dù biết rõ tình trạng tài sản đó do trộm cắp mà có.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực hành vi pháp luật phạm tội với ý thức chủ quan, động cơ tham lam, nhưng quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo hợp tác điều tra, thành khẩn khai báo. Xét về nhân thân, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng, hậu quả đã được khắc phục kịp thời bằng hình thức trừ vào thu nhập hàng tháng của các bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Theo hướng dẫn tại điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04 tháng 8 năm 2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999 bị cáo T có cha là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương nên ghi nhận là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

[4] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy nhiên cần xem xét đến hành vi trộm cắp tài sản đối với bị cáo T diễn ra tại quận Thốt Nốt, tuy chưa có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án nên không xác định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, (trong khi hành vi lấy trộm điện thoại của anh N chưa được xét xử) nhưng vẫn phải ghi nhận để thấy nhận thức chủ quan của bị cáo trong việc trộm cắp tài sản là xem thường pháp luật, xem thường chế độ sở hữu tài sản công dân được Bộ luật dân sự công nhận, được Bộ luật hình sự bảo vệ. Từ nhận định trên thấy rằng bị cáo T không thể hiện tinh thần hối lỗi, tự cải tạo so với mặt tích cực của các bị cáo D, G nên cần thiết ban hành hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại Điều 33 của Bộ luật hình sự, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian. Điều này chứng tỏ đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt tù từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù có căn cứ theo quy định của Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự nhưng còn cao so với toàn bộ tính chất của hành vi thực hiện trong vụ án xảy ra tại Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ mà thay vào đó mức hình phạt tù từ 09 tháng đến 01 năm tù sẽ thể hiện rõ hơn tính răn đe, giáo dục và tuyên truyền pháp luật G bị cáo có thời gian chấn chỉnh hành vi của mình. Các bị cáo D, G trong vụ án này tuy vai trò thứ yếu nhưng vẫn thể hiện được ý thức chủ quan khi phạm tội, tuy nhiên ý thức chủ quan của các bị cáo lại hướng đến mục đích giản đơn là được bị cáo T “cho tiền uống cà phê” và thực tế khi sự việc được trình báo thì các bị cáo vẫn chưa nhận được lợi ích nhưng vẫn chấp nhận để Công ty trừ vào số tiền lương hàng tháng của mình khác phục hậu quả cho anh N bằng điện thoại di động mới hiệu Oppo F1s Plus. Sự việc này cho thấy các bị cáo D, G còn khả năng tự cải tạo, không cần thiết phải có hình phạt cách ly mà cần thiết áp dụng hình phạt tù có điều kiện từ 06 đến 09 tháng, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận. Việc giám sát và giáo dục các bị cáo D, G trong thời gian thử thách giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú, trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[5] Về xử lý tang vật, vật chứng: Căn cứ Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01

chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F1s màu trắng hồng, số Emei01: 862651035090395, số Emei02: 862651035090387 và ghi nhận Công ty CP dịch vụ bảo vệ BA thay mặt các bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh N, không yêu cầu trách nhiệm hoàn trả đối với các bị cáo. (Vật chứng đang được lưu giữ tại Kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều theo Quyết định chuyển vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều số 69/KSĐT ngày 17/3/2017)

[6] Về án phí, căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Phạm Toàn T phạm tội “trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điều 33; điểm b, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Toàn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 06/8/2017.

Căn cứ Khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Bùi Khánh D phạm tội “chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Áp dụng điểm b, h, p Khoản 1 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Bùi Khánh D 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 14 tháng 11 năm 2017.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã MH, thị xã BM, tỉnh VL giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Lê Văn G phạm tội “chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Áp dụng điểm b, h, p Khoản 1 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn G 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày ngày 14 tháng 11 năm 2017.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện CT, tỉnh HG giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1s màu trắng hồng, số Emei01: 862651035090395, số Emei02: 862651035090387 (Vật chứng đang được lưu giữ tại Kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều theo Quyết định chuyển vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều số 69/KSĐT ngày 17/3/2017); ghi nhận Công ty

Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ BA thay mặt các bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh N, không yêu cầu trách nhiệm hoàn trả đối với các bị cáo.

Căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo T, D, G, anh N và Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ BA có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết) để được xem xét theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Nơi nhận:

- Các bị cáo, bị hại,
người có quyền, N vụ liên quan;
- Viện kiểm sát
nhân dân quận Ninh Kiều;
- Công an quận Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án
dân sự quận Ninh Kiều;
- Tòa án nhân dân
thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ (30).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Mẫn